

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 779/2026/DS-PT
Ngày 21 - 4 - 2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huỳnh.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Ông Nguyễn Đắc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1690/2025/TLPT-DS ngày 30/12/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1527/2026/QĐ-PT ngày 11/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4419/2026/QĐ-PT ngày 31/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1968, CCCD số 040068040773 cấp ngày 21/12/2022; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã Đ, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Duy H, sinh năm 1984, CCCD số 074084004859 cấp ngày 19/12/2023; địa chỉ: Tổ A, khu phố A, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 11/5/2025); có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Y, sinh năm 1982, CCCD số 038182031032 cấp ngày 07/7/2022; địa chỉ thường trú: Tổ Dân phố A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai;

địa chỉ tạm trú: Nhà trọ ông Nguyễn Văn D tổ C, khu phố A, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông P và bà Y quen biết nhau từ năm 2022 đến năm 2023. Do cần tiền làm ăn nên bà Y có hỏi vay ông P và có lập Giấy vay tiền ngày 10/6/2023 thể hiện bà Y có vay của ông P số tiền 83.360.000 đồng bằng tiền mặt và thỏa thuận đến ngày 23/6/2023 sẽ hoàn trả. Do bà Y bị nợ xấu nên không thể đứng vay ở ngân hàng hay bất kỳ công ty tài chính nào nên có nhờ ông P vay hộ 06 lần như sau:

- Lần 01 (khoảng đầu năm 2023 không nhớ rõ thời gian) bà Lê Thị Y nhờ ông P đứng tên vay mua dùm một xe máy hiệu Honda Vision tại cửa hàng T (địa chỉ tại chợ P2, khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương cũ) với số tiền 38.500.000 đồng bằng hình thức trả góp tại Công ty T1 (T1), số hợp đồng: 1000723050091630, sau khi làm thủ tục và hợp đồng vay trả góp xong nhận xe về chưa có biển số và giấy chứng nhận đăng ký xe, bà Y là người trực tiếp sử dụng xe này. Tuy nhiên, bà Y nói không thích xe này, bà Y đem chiếc xe này đến tiệm cầm đồ gần chợ C1, phường C cầm với số tiền 15.000.000 đồng, do không có tiền chuộc lại nên bà Y yêu cầu ông P cùng bà Y mang theo hợp đồng mua trả góp tại công ty T1 để đến cửa hàng cầm đồ trên làm hợp đồng bán xe cho người mua (do xe chưa có biển số và C) với giá 28.000.000 đồng. Bà Y trả cho tiệm cầm đồ Vi Bảo 15.000.000 đồng và còn lại 13.000.000 đồng bà Y giữ và sử dụng cá nhân. Bà Y hứa sẽ đóng tiền lãi và có tiền sẽ tất toán khoản vay mua xe trả góp này. Đến ngày 06/11/2023 do phía bà Y không thực hiện đóng tiền lãi cũng như trả tiền gốc hợp đồng vay này, nên ông P phải vay mượn tiền để tất toán hợp đồng này với số tiền 48.330.000 đồng (bao gồm gốc và lãi phát sinh) để tránh ảnh hưởng đến lịch sử tín dụng của ông P.

- Lần 02 ngày 04/06/2023, bà Lê Thị Y lại tiếp tục nhờ ông P đến cửa hàng T, địa chỉ: đường số C, khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (cũ), để tiếp tục đứng tên vay mua một chiếc xe máy hiệu Honda Vission màu đỏ cũng với giá 38.500.000 đồng, biển số 37 E1 - 846.91, lần này mua xe thông qua Công ty T1 JACCS với số hợp đồng là: 16210004205610000. Bà Y là người trực tiếp sử dụng xe này, sau đó bà Y đem chiếc xe trên đến tiệm cầm đồ tại khu vực chợ C2 thuộc phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương (cũ) với giá 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và sử dụng tiêu xài cá nhân, sau đó bà Y không thực hiện chuộc xe nên ông P phải vay mượn để đến tiệm cầm đồ trên chuộc lại chiếc xe trên với số tiền gốc và lãi là 18.000.000 đồng và ông P bán chiếc xe này. Bà Y

cũng không thực hiện đóng tiền lãi cũng như trả tiền gốc hợp đồng vay này nên ngày 06/11/2023 ông P phải vay mượn tiền để tất toán hợp đồng này với số tiền 40.033.000 đồng (bao gồm gốc và lãi phát sinh) để tránh ảnh hưởng đến lịch sử tín dụng của ông P.

- Lần 03, lần 04, bà Lê Thị Y nhờ ông P đứng tên vay hộ tiền mặt và thông qua hình thức cấp thẻ tín dụng tại Công ty T1 (FE C) với các số tiền sau: Một khoản vay tiền mặt 20.000.000 đồng, bà Y không trả lãi và gốc nên đến ngày 06/11/2023 phát sinh thành 31.702.000 đồng. Sau đó, ông P phải vay mượn để tất toán cho phía FE Credit; Một khoản vay thông qua thẻ tín dụng được cấp số tiền 48.000.000 đồng, bà Y cũng là người sử dụng số tiền này, đồng thời không trả lãi, gốc nên đến ngày 06/11/2023 phát sinh thành 50.000.000 đồng. Ông P cũng đã vay mượn để tất toán cho phía FE Credit. Hai khoản tiền trên được vay với số hợp đồng 1500100002719087 tại công ty T1.

- Lần 05 bà Lê Thị Y nhờ ông P đứng tên vay hộ tiền mặt thông qua hình thức cấp tín dụng tại công ty T1 () với số tiền 20.000.000 đồng, bà Y không trả lãi và gốc nên đến ngày 06/11/2023 phát sinh thành 25.608.000 đồng. Ông P cũng đã vay mượn để tất toán cho phía .

- Lần 06 bà Lê Thị Y nhờ ông P đứng tên vay hộ tiền mặt thông qua hình thức cấp tín dụng tại công ty T1 (T1), số hợp đồng: 1000723050025181 số tiền 24.000.000 đồng để bà Y mua điện thoại di động. Bà Y không trả lãi và gốc nên đến ngày 08/11/2023 phát sinh còn 18.650.000 đồng do trong quá trình vay đã trả được một phần nợ gốc. Ông P cũng đã vay mượn để tất toán cho phía Mcredit vào ngày 08/11/2023.

Do cùng lúc bà Y nhờ ông P đứng tên vay dùm cho bà nhiều khoản vay tại nhiều công ty tài chính tiêu dùng nên ông P cũng không nhớ rõ thời gian từng hợp đồng. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ đầu năm 2023 cho đến tháng 6/2023, bà Y không đóng lãi cho phía các công ty tài chính nêu trên nên bắt đầu phát sinh lãi phạt và lãi quá hạn. Ông P nhiều lần yêu cầu bà Lê Thị Y phải trả số tiền vay mượn của ông P cũng như những khoản vay mà bà Y đã nhờ ông P đứng tên dùm để vay vốn cho bà Y làm ăn, nhưng bà Y không trả.

Do đó, ông Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Y trả số tiền 272.360.000 đồng.

** Bị đơn – bà Lê Thị Y trình bày:*

Bà Y và ông P có quan hệ tình cảm từ khoảng tháng 3/2022 đến tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn vì bà Y không muốn tiếp tục mối quan hệ với ông P nữa. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông P lừa dối bà Y nói rằng vợ ông P đã chết nhưng trên thực tế vợ ông P còn sống. Ông P không đồng ý chấm dứt quan hệ tình cảm với bà Y. Ông P nói rằng, muốn chấm dứt mối quan hệ với ông P thì bà Y phải trả lại tất cả số tiền ông P đã cho bà Y. Bà Y không có khả năng trả số tiền này. Trước ngày 10/6/2023, ông P gọi điện thoại cho bà Y nói bà

Y đến công trình nơi ông P làm việc tại phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương để trao đổi, thương lượng về số tiền ông P đã cho bà Y trước đó. Bà Y đến nơi hẹn nhưng giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn do bà Y không đồng ý trả lại tiền mà ông P đã cho bà Y. Ông P đẩy xe của bà Y vào kho và khóa, cất giữ chìa khóa xe của bà Y. Ngoài ra, ông P còn dùng dây xích khóa cửa ra vào công trình không cho bà Y ra về. Ông P ép bà Y viết giấy vay tiền nếu bà Y không viết thì ông P không cho về và đe dọa giết bà Y. Giấy vay tiền ngày 10/6/2023 là do bà Y tự viết.

- Số tiền 83.360.000 đồng tại Giấy vay tiền là tổng số tiền mà trong thời gian bà Y và ông P có quan hệ tình cảm thì ông P cho bà Y nhiều lần. Số tiền 83.360.000 đồng bà Y đã viết giấy thừa nhận nên bà Y đồng ý trả số tiền này cho ông P.

- Giấy vay tiền ngày 10/6/2023, có mục xe máy là 38.500.000 đồng. Đây là số tiền ông P mua xe máy hiệu Vision, ông P dùng cho cá nhân của ông P. Bà Y không sử dụng xe máy này nên không biết ông P đã được cấp giấy xe chưa. Sau này bà Y không đi lại với ông P nữa thì ông P bán xe này, bà Y không biết. Cũng trong Giấy vay tiền ngày 10/6/2023, mục dưới xe máy 38.500.000 đồng là số tiền 38.500.000 đồng là tiền ông P mua xe máy hiệu Vision lần thứ hai. Bà Y không biết ông P được cấp giấy xe chưa và cũng không biết ông P còn giữ xe này hay không. Lý do bà Y ghi số tiền xe máy hai lần mỗi lần là 38.500.000 đồng là ông P mua xe hai lần, cả hai lần ông P đều đứng tên xe. Ông P nói vì quen bà Y nên ông P phải tốn những khoản tiền trên nên buộc bà Y ghi lại.

- Đối với FE 20.000.000, FE 48.000.000, HB 20.000.000 là số tiền này ông P vay tiền của công ty T1, ông P vay về rồi cho bà Y.

- Đối với số tiền ĐT (Điện thoại) 24.000.000 đồng là ông P mua tặng cho bà Y.

Sở dĩ bà Y ghi những nội dung trên là do khi bà Y nói với ông P muốn chấm dứt quan hệ tình cảm thì ông P yêu cầu bà Y phải trả lại những gì mà ông P đã tặng cho bà Y trước đó, bắt ép bà Y ghi như vậy, thực chất bà Y không có vay tiền của ông P. Đối với những khoản tiền trên tổng cộng là 189.000.000 đồng thì có hai khoản mua xe máy bà Y không có lấy hai xe này, còn lại là ông P cho bà Y nên bà Y không đồng ý trả. Do bà Y không có tiền trả nên ông P buộc bà Y trả tiền lãi hàng tháng 15.150.000 đồng với số tiền vay 189.000.000 đồng. Bà Y đã trả lãi 15.150.000 đồng cho ông P được 04 tháng nhưng đưa tiền mặt, không có chứng cứ đã giao tiền cho ông P.

Sau ngày 10/6/2023 (Ngày ghi giấy vay nợ), thỉnh thoảng ông P hay chuyển tiền vào tài khoản của bà Y để nhờ bà Y đi rút tiền về đưa cho ông P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P. Buộc bà Lê Thị Y có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 83.360.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về việc bà Lê Thị Y có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 189.000.000 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 06/10/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Y phải trả cho ông P số tiền 272.360.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 10/6/2023.

Ngày 13/10/2025 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 11/QĐ-VKS-DS kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Y phải trả cho ông P số tiền 272.360.000 đồng.

Ngày 07/4/2026, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17- Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 34/QĐ-VKS.KV17 rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 11/QĐ-VKS-DS ngày 13/10/2025.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đối với Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh đã rút đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ. Đối với kháng cáo của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ tình cảm, nguyên đơn không chứng minh được số tiền 189.000.000 đồng là số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày tranh tụng của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông P được thực hiện trong thời hạn luật định và đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm; Quyết định kháng nghị số 11/QĐ-VKS-DS ngày 13/10/2025 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành đúng thời hạn nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 07/4/2026, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 ban hành Quyết định số 34/QĐ-VKS.KV17 rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 11/QĐ-VKS-DS ngày 13/10/2025. Căn cứ khoản 3 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát.

[1.3] Bị đơn bà Y đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bà Y.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền 272.360.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 10/6/2023.

[2.2] Bị đơn thừa nhận nợ nguyên đơn số tiền 83.360.000 đồng theo nội dung phần đầu giấy vay tiền ngày 10/6/2023; đối với số tiền 189.000.000 đồng bị đơn cho rằng nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ tình cảm nên bị đơn cho nguyên đơn chứ không phải là tiền vay do đó bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền 83.360.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 189.000.000 đồng.

[2.3] Xét chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền do bị đơn viết tay đề ngày 10/6/2023 có nội dung: “...giấy vay tiền - Tôi tên Lê Thị Y, sinh năm 1982, số CCCD 038182031033 do Công an B cấp. Tôi có mượn của anh Nguyễn Văn P số tiền là 83.360.000 đ (tám mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn) tôi hẹn đến ngày 23/6/2023 sẽ hoàn trả. Xe máy (38500.000 đ) + (38500000đ); FE 20,000,000 đ; FE 48,000,000đ; HB 20.000.000đ; ĐT (24000000đ). 189.000.000 số tiền vay ngân hàng bằng CCCD (một trăm tám chín triệu). Tôi có trách nhiệm trả lãi hàng tháng với số tiền là 15,15000000 (mười lăm triệu một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn). là số tiền mà tôi phải chịu trách nhiệm trả tiền lãi cho anh P. ngày 10/6/2023 người vay ký tên - Lê Thị Y. người cho vay

ký tên – Nguyễn Văn P”. Như vậy, thực chất giấy có tiêu đề: “Giấy vay tiền” đề ngày 10/6/2023 chỉ là giấy xác nhận nợ.

[2.4] Quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm bị đơn thừa nhận có vay nguyên đơn số tiền 89.360.000 đồng theo phần đầu giấy vay tiền ngày 10/6/2023 và đồng ý trả số tiền này nên Toà sơ thẩm buộc bà Y trả cho ông P và không có kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu luật pháp luật theo quy định.

[2.5] Đối với số tiền 189.000.000 đồng gồm Xe máy (38500.000 đ) + (38500000đ); FE 20,000,000 đ; FE 48,000,000đ; HB 20.000.000đ; ĐT (24000000đ) thì bị đơn bà Y xác định có trách nhiệm trả lãi hàng tháng số tiền 15.000.000đồng. Bà Y không xác định nợ và quá trình tố tụng cũng không thừa nhận vay số tiền này. Xét kháng cáo của nguyên đơn ông P1 thì thấy rằng: số tiền Xe máy (38500.000 đ) + (38500000đ) theo chứng cứ nguyên đơn ông P cung cấp thì đều do ông P đứng tên mua xe và trả góp, hiện các xe này cũng đã bán, không có chứng cứ gì chứng minh bà Y vay tiền của ông P để mua 02 chiếc xe này, cũng không có chứng cứ chứng minh bà Y quản lý sử dụng và bán các chiếc xe này để sử dụng cho cá nhân bà Y nên không có căn cứ xác định bà Y vay ông P số tiền này. Các số tiền vay gồm FE 20,000,000 đ; FE 48,000,000đ; HB 20.000.000đ theo ông P đều do ông đứng tên vay nhưng không có chứng cứ chứng minh ông P đứng tên vay dùm cho bà Y. Về tiền điện thoại 24.000.000đồng, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định bà Y vay tiền của ông P1 để mua điện thoại, nhưng không có chứng cứ chứng minh bà Y vay số tiền này của ông P. Ngoài “Giấy vay tiền” đề ngày 10/6/2023 thì nguyên đơn ông P không có chứng cứ nào khác chứng minh bà Y vay số tiền 189.000.000 đồng.

[2.6] Từ những phân tích trên xét thấy, không có chứng cứ xác định bà Y có vay của ông P số tiền 189.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P số tiền này là có căn cứ. Ông P kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với quyết định kháng nghị là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên nguyên đơn ông Nguyễn Văn P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 71, 92, 147, 148, 266, 271, 273, Điều 284, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 11/QĐ-VKS-DS ngày 13/10/2025 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn P phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026925 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phòng THADS khu vực 17, TP Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 15, TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: VTLT, HS, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Huỳnh

